

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/01/2023

V/v “Ly hôn giữa ông T với bà
L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ma Văn T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số A, TK, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Số A, TK, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông T có mặt. Bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2022, Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ma Văn T trình bày:

Ông và bà L kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/5/2002 do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bà L thường xuyên gây nộ, dù nhiều lần góp ý để cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không thành. Ông và bà L sống ly thân với nhau từ tháng 5/2022 đến nay. Nay tình cảm giữa ông và bà L không còn nên bà xin ly hôn với bà L.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 04 con chung tên Ma Trọng N sinh ngày 08/02/2005, Ma Trọng Nh sinh ngày 04/8/2007, Ma Trọng H sinh ngày 14/9/2011 và Ma Trọng H1 sinh ngày 11/11/2018. Các con chung hiện đang sống với ông. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 04 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập bà Trương Thị L tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Trương Thị L không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà L cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Ma Văn T được ly hôn với bà Trương Thị L

- Về con chung: sau khi ly hôn ông T được quyền tiếp tục nuôi 04 con chung tên Ma Trọng N sinh ngày 08/02/2005, Ma Trọng Nh sinh ngày 04/8/2007, Ma Trọng H sinh ngày 14/9/2011 và Ma Trọng H1 sinh ngày 11/11/2018. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có nên không xem xét giải quyết.

-Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Ma Văn T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Trương Thị L; quan hệ tranh chấp giữa ông Ma Văn T và bà Trương Thị L là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, bà L đang cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Trương Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trương Thị L.

[2] Về nội dung: Ông T và bà L tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường B (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2002 nên hôn nhân của ông bà

là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông T, sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bà L thường xuyên gây nộ, dù nhiều lần góp ý để cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không thành. Ông và bà L sống ly thân với nhau từ tháng 5/2022 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và bà L không còn nên bà xin ly hôn với bà L. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông T và bà L nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với ông T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống ông T và bà L có 04 con chung tên Ma Trọng N sinh ngày 08/02/2005, Ma Trọng Nh sinh ngày 04/8/2007, Ma Trọng H sinh ngày 14/9/2011 và Ma Trọng H1 sinh ngày 11/11/2018. Ông T có yêu cầu được nuôi 04 con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, các con chung hiện đang sống với ông T, có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Các cháu Ma Trọng N, Ma Trọng Nh, Ma Trọng H đều có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của con chung, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 04 con chung là cháu Ma Trọng N sinh ngày 08/02/2005, Ma Trọng Nh sinh ngày 04/8/2007, Ma Trọng H sinh ngày 14/9/2011 và Ma Trọng H1 sinh ngày 11/11/2018 cho ông Ma Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Ma Văn T và bà Trương Thị L.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Ma Trọng N sinh ngày 08/02/2005, Ma Trọng Nh sinh ngày 04/8/2007, Ma Trọng H sinh ngày 14/9/2011 và Ma Trọng H1 sinh ngày 11/11/2018 cho ông Ma Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0009893 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND phường A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương